

BIẾN ĐỔI SINH KẾ CỦA NGƯỜI HMÔNG Ở XÃ MƯỜNG LÔNG, TỈNH NGHỆ AN TỪ SAU ĐỔI MỚI 1986 ĐẾN NAY

ĐOÀN VIỆT(*)

Tóm tắt: Từ sau công cuộc Đổi mới năm 1986, sinh kế của cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, trong đó có người Hmông, đã có nhiều biến đổi sâu sắc dưới tác động của các chính sách phát triển kinh tế - xã hội và quá trình hội nhập. Dựa trên nghiên cứu trường hợp người Hmông tại xã Mường Lông, tỉnh Nghệ An, bài viết phân tích sự chuyển đổi từ canh tác nương rẫy sang nông nghiệp định canh và từ sản xuất tự cung tự cấp sang các chiến lược sinh kế đa dạng. Các hình thức sinh kế mới bao gồm mở rộng chăn nuôi, buôn bán gia súc, di cư lao động và du lịch cộng đồng (DLCĐ). Bài viết nhấn mạnh vai trò của chính sách nhà nước, điều kiện địa phương và mạng lưới xã hội tộc người trong việc định hình sinh kế. Qua đó cho thấy, bên cạnh những cơ hội kinh tế mới, quá trình chuyển đổi sinh kế cũng đặt ra các thách thức đối với phát triển bền vững.

Từ khóa: *Biến đổi sinh kế; Người Hmông; Tỉnh Nghệ An; Xã Mường Lông.*

TRANSFORMATIONS IN THE LIVELIHOODS OF THE HMONG PEOPLE IN MUONG LONG COMMUNE, NGHE AN PROVINCE AFTER THE 1986 DOI MOI REFORM

Abstract: Since the Doi moi (reforms) process of 1986, the livelihoods of ethnic minority communities in Vietnam, including the Hmong, have undergone significant changes under the influence of socio-economic development policies and the process of integration. Drawing on a case study of the Hmong in Muong Long commune, Nghe An province, this article examines the transition from shifting cultivation to sedentary agriculture, as well as the shift from subsistence production to more diversified livelihood strategies. These new livelihood practices include the expansion of livestock raising, livestock trading, labor migration, and community-based tourism. The article highlights the role of state policies, local conditions, and ethnic social networks in shaping Hmong livelihoods. It demonstrates that, while the transformation of livelihoods has created new economic opportunities, it has also posed challenges to sustainable development.

Keywords: *Hmong people; Livelihood change; Muong Long Commune; Nghe An Province.*

(*) Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 20/8/2025; Ngày gửi phản biện: 22/8/2025; Ngày duyệt đăng bài: 10/10/2025.

1. Mở đầu

Kể từ sau công cuộc Đổi mới năm 1986, cùng với việc triển khai các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập đã tạo ra những tác động mạnh mẽ, sâu rộng đến hầu khắp các vùng, miền trên cả nước, làm thay đổi căn bản diện mạo đời sống kinh tế - văn hóa xã hội đất nước. Dưới góc độ sinh kế tộc người, một số nhà nghiên cứu dân tộc học/nhân học đã chỉ ra có sự biến đổi sâu sắc, mạnh mẽ ở hầu khắp các khía cạnh như cơ cấu, loại hình sinh kế, quan hệ và sở hữu tư liệu sản xuất, vai trò của mạng lưới xã hội, v.v.. Về cơ bản, sinh kế biến đổi theo xu hướng tiếp nhận các loại giống cây trồng mới là loại cây công nghiệp, cây hàng hóa thay cho cây lương thực; giảm thiểu các hoạt động khai thác tự nhiên từ rừng, gia tăng các loại hình sinh kế mới như buôn bán, làm thuê, di cư lao động, phát triển du lịch, v.v. (Vũ Trường Giang, 2018; Bùi Văn Đạo, 2020; Nguyễn Công Thảo, 2024). Tùy thuộc vào điều kiện địa lý, đặc thù vùng miền, trữ lượng tài nguyên, quan hệ xã hội, năng lực bản thân, cơ hội tiếp cận thị trường, v.v. mà mỗi cộng đồng, khu vực dân cư, tộc người có các sắc thái, mức độ biến đổi sinh kế khác nhau (Trần Hồng Hạnh, 2017).

Người Hmông là một trong ba dân tộc thiểu số (cùng với Thái và Khơ Mú) có lịch sử cư trú lâu đời tại khu vực miền núi phía Tây tỉnh Nghệ An, từ khoảng những năm 1830 - 1835 (Hoàng Xuân Lương, 2000). Trải qua hơn ba thập kỷ kể từ sau Đổi mới 1986, đời sống sinh kế của cộng đồng này đã có những thay đổi đáng kể, chịu tác động từ nhiều yếu tố như chính sách xóa đói giảm nghèo, định canh định cư, phát triển cơ sở hạ tầng, mở rộng tiếp cận dịch vụ xã hội, nâng cao trình độ học vấn và tăng cường năng lực cá nhân. Tuy nhiên, dưới góc nhìn dân tộc học/nhân học, các nghiên cứu về biến đổi sinh kế của người Hmông ở Nghệ An vẫn chưa được tiếp cận sâu rộng và mang tính tổng quát toàn vùng. Phần lớn các công trình hiện nay chỉ xem xét vấn đề này một cách gián tiếp, thường lồng ghép trong các nghiên cứu về văn hóa truyền thống (Hoàng Xuân Lương, 2000), di cư tự do (Đậu Tuấn Nam, 2009), đánh giá chính sách định canh định cư (Nguyễn Văn Toàn, 2014) hay phát triển du lịch cộng đồng (Nguyễn Công Thảo, 2025; Nguyễn Thị Thanh Thanh, 2025).

Nhằm bổ sung khoảng trống nghiên cứu này, bài viết “Biến đổi sinh kế của người Hmông xã Mường Lống, tỉnh Nghệ An từ sau Đổi mới 1986 đến nay” nhằm làm rõ quá trình thay đổi sinh kế của cộng đồng tại điểm nghiên cứu, phân tích các yếu tố tác động, đánh giá kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra đối với phát triển bền vững.

Nghiên cứu được thực hiện chủ yếu bằng phương pháp phân tích định tính dựa trên hai nguồn dữ liệu: (1) tài liệu thứ cấp gồm các công trình nghiên cứu trước đây, báo cáo tổng kết hàng năm và số liệu thống kê kinh tế - xã hội của địa phương; (2) dữ liệu thực địa thông qua quan sát, phỏng vấn sâu (PVS) 11 người dân và cán bộ lãnh đạo xã, thảo luận nhóm (TLN) với 2 nhóm cán bộ, cùng một số phỏng vấn nhanh trực tiếp và gián tiếp qua điện thoại trong đợt khảo sát thực địa tại xã Mường Lống, tỉnh Nghệ An, tháng 5/2025. Ngoài ra, bài viết còn khai thác một số thông tin từ mạng internet qua các kênh chính thức như cổng thông tin điện tử tỉnh Nghệ An, báo Nhân dân (bản điện tử), v.v..

2. Giới thiệu địa bàn nghiên cứu

Nghệ An là tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ Việt Nam, diện tích tự nhiên khoảng hơn 16.487 km², phía tây giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào với 468 km đường biên giới, phía đông giáp biển Đông với 82 km đường bờ biển, phía nam giáp tỉnh Hà Tĩnh và phía bắc giáp tỉnh Thanh Hóa. Về địa hình, tỉnh Nghệ An nằm ở đông bắc dãy Trường Sơn, cấu trúc nghiêng theo hướng tây bắc - đông nam, chia thành hai tiểu vùng, phía đông là đồng bằng ven biển chiếm 17% và phía tây là trung du miền núi chiếm 83% tổng diện tích. Khu vực miền Tây Nghệ An là địa bàn khởi đầu của dãy núi Trường Sơn, địa hình phức tạp, độ dốc lớn phổ biến từ 8° - 25°, chiếm 42% đất có độ dốc lớn hơn 25° có 38% so với tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Miền núi phía tây cũng là nơi sinh sống chủ yếu của bà con dân tộc thiểu số như Thái, Thổ, Hmông, Khơ Mú, Ô Đu. Dân số tính đến hết năm 2021 có khoảng 1,2 triệu người, chiếm 36% dân số toàn tỉnh, trong đó người DTTS chiếm 40,93%, gồm dân tộc Thái 338.559 người, dân tộc Thổ 71.420 người, dân tộc Khơ Mú 43.139 người, dân tộc Hmông 33.957 người và dân tộc Ô Đu (411 người) (UBND tỉnh Nghệ An, 2023). Cho đến cuối thế kỷ XX, khu vực miền núi phía Tây Nghệ An vẫn thuộc diện trọng điểm đặc biệt khó khăn của đất nước. Cuộc sống du canh du cư, sản xuất nông nghiệp lạc hậu, hiệu suất cây lương thực thấp, tỉ lệ phụ thuộc vào trồng cây anh túc cao, tình trạng mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy diễn ra phức tạp, v.v.. Việc thực thi các chính sách ổn định an ninh văn hóa, kinh tế, chính trị xã hội của Nhà nước từ 1992 tới nay cơ bản đã có thành công nhất định, tuy nhiên có sự khác biệt giữa các cộng đồng tộc người, khu vực khác nhau. Cư trú chủ yếu ở khu vực rẻo cao, biên giới, của tỉnh Nghệ An, người Hmông cũng đã và đang tiếp thu, vận dụng các điều kiện cơ hội nhằm chuyển đổi sinh kế, tiếp nhận các dòng sinh kế mới phù hợp điều kiện địa lý, văn hóa tộc người, văn hóa xã hội, trong bối cảnh công nghiệp hóa và hội nhập. Biến đổi sinh kế, đa dạng hóa sinh kế một mặt giúp người dân gia tăng thu nhập, đảm bảo phát triển bền vững nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức (Bùi Xuân Đính, Nguyễn Ngọc Thanh, 2013).

Mường Lống là xã biên giới, chiều dài đường biên giáp Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào khoảng 40 km. Diện tích tự nhiên khoảng hơn 14000 ha, thuộc khu vực rẻo cao, độ cao phổ biến từ 900 - 1500m so với mực nước biển, khí hậu quanh năm mát mẻ, thường xuyên có sương mù nên được ví như “Sapa của miền Trung”. Xã cũng là một trong hai đơn vị thuần dân tộc Hmông¹ (tỉ lệ trên 99% tổng dân số xã) của tỉnh Nghệ An, dân số tính đến hết năm 2024 có 1019 hộ với 5524 người, cư trú tập trung thành 13 đơn vị thôn bản.

Canh tác nương rẫy kết hợp chăn nuôi và khai thác nguồn lợi tự nhiên từ rừng là hình thức sinh kế chủ đạo của người Hmông ở Mường Lống. Từ khoảng những năm cuối thế kỷ XX cho tới nay, sinh kế trồng trọt có những biến chuyển sâu sắc, từ du canh du cư sang định canh, định cư, từ chuyên canh sang đa canh, chuyển đổi giống cây trồng từ cây lương thực sang các giống cây có giá trị hàng hóa như cây dược liệu, cây công nghiệp, v.v. (Nguyễn Văn Toàn, 2014). Khoảng 5 - 6 năm gần đây, sinh kế trồng trọt có xu hướng thu gọn lại nhường chỗ cho phát triển chăn nuôi. Khai thác nguồn lợi từ rừng ngày càng ít dần, một phần do tình trạng suy kiệt tài nguyên, phần khác do công tác giao đất giao rừng, bảo vệ đất rừng của các cơ quan chuyên môn nên người dân cũng ít chú trọng. Giao thương buôn bán được hình thành rất sớm, từ khi người Hmông còn bảo lưu hình thức sinh kế du canh du cư, họ mang những thứ sản xuất, khai thác được như gạo, ngô, mật ong, nấm rừng, cây dược liệu, v.v. trao đổi, mua bán những thứ không tự sản xuất được như muối, dầu ăn, sợi vải, v.v. (Nguyễn Ngọc Thanh, Ngọc Thi, 1996). Phạm vi hoạt động giao thương không chỉ ở Việt Nam mà còn kết nối với vùng người Hmông ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Quan hệ mạng lưới xã hội đó là nguồn vốn quan trọng để hiện nay người Hmông ở Nghệ An phát triển mạnh mẽ hoạt động buôn bán trâu bò liên, xuyên biên giới (Lê Thị Hiếu, Bùi Minh Hào, 2024). Trong những năm gần đây, một số loại hình sinh kế mới xuất hiện và thu hút sự quan tâm của đồng bào, tiêu biểu như đi làm ăn xa và kinh doanh DLCĐ (Nguyễn Công Thảo, 2025). Mặc dù đã có sự biến chuyển mạnh mẽ, tích cực về kinh tế nhưng tựu chung, nguồn lực đầu tư cho phát triển còn hạn chế, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, cơ sở hạ tầng còn rất thiếu và yếu, v.v. nên đời sống của đồng bào người Hmông ở Mường Lống vẫn còn nhiều khó khăn, tỉ lệ hộ nghèo vẫn ở mức cao 44,1% theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2022 - 2025 (UBND xã Mường Lống, 2024). Công tác đa dạng hóa sinh kế, tạo thêm nhiều cơ hội việc làm tại chỗ nhằm thu hút

¹ Sau khi thực hiện Nghị quyết số 1678/NQ-UBTVQH15, ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Nghệ An năm 2025, kể từ ngày 01/07/2025, tỉnh Nghệ An có hai xã thuần dân tộc Hmông là Mường Lống và Huồi Tụ. Trước đó, tỉnh Nghệ An có 7 xã thuần dân tộc Hmông, gồm các xã Mường Lống, Huồi Tụ, Nậm Cắn, Tây Sơn, Đọac Mạy thuộc huyện Kỳ Sơn và hai xã Tri Lễ, Nậm Giải thuộc huyện Quế Phong.

người dân, đặc biệt là lực lượng lao động trẻ, trở lại làm việc gắn bó với quê hương, phát triển quê hương đặt ra nhiều vấn đề bức thiết, thách thức đối với cả chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn và người dân.

3. Biến đổi sinh kế truyền thống

Nhìn vào lịch sử, cho đến những năm cuối thế kỷ XX, người Hmông ở Nghệ An sinh sống chủ yếu ở khu vực phía tây của tỉnh, thuộc vùng biên giới giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, đây là khu vực rẻo cao, thuộc vùng sâu, vùng xa, đặc biệt khó khăn của tỉnh. Kinh tế tộc người đậm chất tự cấp tự túc với tập quán du canh du cư gắn bó chặt chẽ với trồng trọt trên đất dốc, kinh nghiệm trồng trọt nương rẫy của người Hmông là một trong những kho tàng tri thức văn hóa đặc sắc của các tộc người thiểu số vùng cao. Chăn nuôi cũng được chú trọng, họ có nhiều kinh nghiệm chăn nuôi ngựa và gia súc lớn. Khai thác nguồn lợi tự nhiên từ rừng đóng vai trò khá quan trọng trong tổng thể kinh tế tộc người. Ngoài ra, họ cũng khá phát triển một số nghề thủ công truyền thống như rèn, chế tác sợi lanh và nghệ thuật dệt vải, thêu hoa văn, đan lát mây tre, v.v. sản phẩm làm ra không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt nội tại cộng đồng mà còn được ưa chuộng bởi các tộc người láng giềng. Mặc dù chủ trương Đổi mới được thực hiện bắt đầu từ 1986 nhưng phải đến những năm cuối thập niên 1990, vùng người Hmông miền Tây Nghệ An nói chung và xã Mường Lống nói riêng mới bắt đầu có những dấu hiệu chuyển biến rõ rệt. Cho tới nay, đời sống kinh tế, sinh kế truyền thống của họ đã có những biến đổi sâu sắc, mạnh mẽ.

3.1. Định canh định cư và hoạt động trồng trọt

Bước ngoặt chuyển đổi sinh kế của người Hmông ở Mường Lống diễn ra trong khoảng thời gian từ 1998 - 2008. Thời gian này Chính phủ Việt Nam, chính quyền tỉnh Nghệ An tăng cường thực thi các chính sách Nhà nước về định canh định cư, xóa đói giảm nghèo thông qua các chương trình, dự án thực tiễn như 327 (giao đất, giao rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý sử dụng nhằm phủ xanh đất trống đồi núi trọc); 134 (hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn); Chương trình định canh định cư; chuyển đổi cây, con vật nuôi, vay vốn ưu đãi, v.v. đã từng bước xoay chuyển nhận thức của người dân về quyền sở hữu, tư duy, chiến lược ứng phó sản xuất kinh tế với điều kiện sở hữu tư nhân.

Thay đổi về sở hữu đất đai. Với đặc thù du canh du cư người Hmông ở Mường Lống cho rằng đất đai thuộc sở hữu cộng đồng, trong đó đất đai sản xuất của gia đình được xác định bởi những quy ước, luật tục văn hóa tộc người theo thông lệ

người đến sau không xâm chiếm đất đai của người đến trước. Sau khi khai thác một thời gian họ bỏ hóa, đi tìm nương mới. Sau ba năm nếu mảnh đất bỏ hóa không được canh tác trở lại thì nó trở lại thành tài sản cộng đồng. Nhà ở thường được tổ chức thành từng cụm gần cận với nương du canh. Từ sau giải phóng đất nước 1975, đặc biệt là giai đoạn 1992 - 1998, cùng với sự ổn định về an ninh quốc gia, chính trị xã hội khu vực, cộng đồng người Hmông ở miền Tây Nghệ An có xu hướng chuyển đổi dần sang hình thức định cư, du canh. Ở Mường Lống, các cụm dân cư hình thành dọc theo tuyến đường quốc lộ số 7, cụm ít có 5 - 7 nóc nhà, cụm nhiều lên tới ngoài 100 nóc, mỗi nóc nhà biểu hiện cho một hộ gia đình (Hoàng Xuân Lương, 2000). Chính sách định canh định cư, vấn đề sở hữu đất đai buộc người dân hoạch định chiến lược sinh kế hộ gia đình giữa đi và ở. Một số hộ lựa chọn di cư sang Lào, số khác di cư vào các tỉnh Tây Nguyên, những hộ ở lại cùng các hộ ở địa phương khác di chuyển tới, tái cơ cấu cư trú theo các cụm bản nội xã. Việc dịch chuyển từ bản này sang bản khác diễn ra khá phức tạp, không chỉ một lần với các lý do cơ bản như: 1) đi theo anh em họ hàng; 2) đi tới khu vực thuận lợi buôn bán, làm ăn; 3) thuận lợi cho con đi học; 4) do xóa bỏ cây anh túc nên thiếu đất sản xuất (Nguyễn Văn Toàn, 2014). *“Lúc đó người ít, đất rộng, ai chọn đất ở khu vực nào được thống nhất bởi chính quyền xã và cộng đồng bản, được 400 m² đất ở còn lại là đất vườn. Nương cũng thế, xác định gia đình có bao nhiêu người làm, sau đó chọn nương rẫy phù hợp, thống nhất với thôn bản, chính quyền chứng kiến, không có tranh chấp thì ký nhận giao đất cho hộ đó. Hộ gia đình còn được giao rừng để chăm sóc bảo vệ, tuy nhiên chỉ có một số ít hộ nhận”* (PVS, H.N.C, nam, 63 tuổi, người dân xã Mường Lống). Giai đoạn muộn của chiến lược thực thi Chính sách định canh định cư, khi quỹ đất đã dần ổn định, chính quyền địa phương (cấp huyện cũ) phải thực hiện nhiều biện pháp như cải tạo, khai hoang thêm đất đai và vận động mối quan hệ thân tộc để nhượng lại một phần đất đai cho các hộ về sau. *“Ở những khu vực trung tâm xã đất ở thiếu, chỉ cấp được cho mỗi hộ khoảng 200 m², không có đất vườn, chính quyền còn phải vận động những người họ hàng hỗ trợ, nhượng lại một phần đất”* (PVS, Q.T.H, nữ, 46 tuổi, Bí thư chi bộ bản Mường Lống I). Vô hình trung, việc sẽ chia quyền sở hữu đã tác động sâu sắc tới ý thức về sở hữu đất đai của người dân. Từ khoảng 2014 - 2015, đất đai trở thành tài sản có giá trị, bắt đầu có những giao dịch thuê mượn, mua bán đất ở, đất sản xuất. Thời điểm 2025, ở bản Mường Lống I (khu vực trung tâm xã Mường Lống), đất thổ cư được giao dịch với giá 50 - 70 triệu đồng/100m². Đất vườn liền kề (khu vực thuận lợi để phát triển kinh doanh du lịch cộng đồng) có giá 300.000 - 4000.000 đồng/sào/1000m². Cùng với

các kế hoạch, chương trình, chính sách phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước cũng như chính quyền địa phương, nhận thức về sở hữu đất đai đã góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi sinh kế, bắt đầu từ sinh kế nông nghiệp.

Chuyển đổi giống cây trồng. Với đời sống du canh du cư vùng núi, rẻo cao, (80% đất tự nhiên xã Mường Lống có độ dốc trên 32°), người Hmông tích lũy hệ thống tri thức, kinh nghiệm và kỹ năng trồng trọt trên đất dốc khá phong phú so với các tộc người láng giềng, thể hiện ở các yếu tố kỹ năng chọn đất canh tác phù hợp với từng loại giống cây trồng, kỹ năng chặt tía, đốt phát, kỹ năng làm đất, đào rãnh chống xói mòn, kỹ năng gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch nông sản. Công cụ sản xuất nương rẫy khá thô sơ như búa, dao phát, cuốc, cuốc bướm, gậy chọc lỗ, sử dụng chủ yếu là sức người, v.v.. Cây trồng chính ở Mường Lống bao gồm hai loại, một là các loại cây lương thực như ngô, kê, lúa nương (các giống *ple xa*, *ple dơ*, *ple xông cừ*), rau màu như bí ngô, khoai, dong riềng, chuối, cây dược liệu, cây cho sợi làm vải, v.v. được trồng xen canh trên các mảnh nương dốc, nương du canh. Hai là cây anh túc (cây thuốc phiện) được trồng chuyên canh ở các nương tương đối bằng phẳng hoặc ven sườn các thung lũng lòng chảo và trồng xen canh với các loại rau màu ở đất vườn nhà. Giá trị của hai nhóm cây trồng này có sự chênh lệch đáng kể.

Loại bỏ cây anh túc trong hệ thống cây trồng địa phương. Trồng anh túc không tốn nhiều công nhưng đòi hỏi tri thức về thổ nhưỡng và khí hậu, tốt nhất là khu vực có chất đất đen, độ mùn cao, độ ẩm vừa phải, thường có mây mù nhưng không bị cây to phủ tán. Thời gian gieo trồng và khai thác, thu hoạch khá ngắn, khoảng 6 tháng, thường bắt đầu từ tháng 9 năm nay cho đến tháng 3 năm sau. Cây cũng cho khai thác ở hầu khắp vòng đời phát triển, khi còn non được dùng làm rau ăn, khi cây già thân và rễ dùng ngâm rượu, sử dụng như một loại dược liệu quý, quả anh túc khi chín cho sản phẩm chính là nhựa quả, nhựa anh túc là vị thuốc rất công hiệu trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Người Hmông dùng nhựa anh túc để chữa các bệnh đau bụng, đau răng, đau cơ khớp, đau nhức khi lao động nặng, ho gà, chống “ngã nước” khi đi rừng gặp thời tiết xấu, v.v. với cách sử dụng chủ yếu là nuốt sống một chút nhựa anh túc với nước. Việc sử dụng nhựa anh túc như một hình thức giải trí, thú vui sinh hoạt bằng cách đốt nhựa thành khói để hút nhằm tìm kiếm cảm giác đê mê du nhập vào người Hmông muộn hơn, ít nhất sau khi người Pháp rút khỏi miền Bắc năm 1945. “Ngày trước trồng mà có được dùng đâu, phải nộp cho người Pháp với người Thái (quan lại địa phương) hết. Người Hmông trồng thuốc phiện, người Thái hút thuốc phiện. Sau này cách mạng thu mua, mình bán có tiền đời sống khá lên, khá lên thì lại có người hút thuốc phiện” (PVS, V.N.T, nam, 77 tuổi, người dân xã Mường Lống). Cho tới những năm 1996, địa bàn huyện Kỳ Sơn vẫn còn hơn 600 ha trồng anh túc (Nguyễn Văn Toàn, 2014).

Kế hoạch xóa bỏ cây anh túc của Nhà nước được triển khai từ những năm đầu thập niên 1990, tuy cơ bản đã đạt được một số kết quả khả quan, tuy nhiên, cho đến nay, sau hơn 30 năm, vấn đề tái trồng cây anh túc ở khu vực miền Tây Nghệ An nói chung và ở xã Mường Lống nói riêng vẫn còn là vấn đề thời sự. Thay vì trồng thành từng vạt nương lớn, họ chia nhỏ ra trồng ở các mảnh nương nhỏ, lẻ nằm sâu, xa trong rừng, xung quanh vành đai có cây mọc cao, che chắn tầm nhìn, chống bị phát hiện từ xa, hoặc được trồng ở các nương vô chủ, nương bỏ hoang, khi bị phát hiện thường không có người nhận trách nhiệm; trồng xen canh, rải rác ở các nương xa, xen với các loại cây trồng có cùng độ cao, cơ chế sinh trưởng gần cận, có khả năng che chắn, gây nhầm lẫn khi nhìn xa; trồng lẫn với các loại rau vườn nhà; v.v.. Việc tái trồng anh túc diễn ra giai đoạn này có lẽ do về giá trị vật chất chưa có loại cây có thể thay thế của loài cây này. Anh túc cho khai thác vào hầu hết các thời điểm sinh trưởng của cây, khi non làm rau ăn, khi quả chín khai thác nhựa, khi cây già khai thác quả, hạt và rễ, trong đó giá trị nhất là nhựa lấy từ quả cây. Tùy từng thời điểm mà nhựa anh túc có giá trị khác nhau. Với 1000 m² đất trồng anh túc, sản lượng thu được đạt từ 2 - 3 kg nhựa (nhựa sống). Một hộ gia đình 9 người, 4 lao động chính, 2 lao động phụ trước năm 1986 trồng anh túc “mỗi mùa thu nhựa ít thì được 5 - 7 kg, nhiều thì 10 - 15 kg, nhựa đựng vào chén, đĩa cho khô nước rồi gói lại bằng nilon. Bán theo cân (kg), theo lạng (gr), sau này thì đóng thành phong (mỗi phong khoảng 370 gr)”. (PVS, V.B.D, nam, 58 tuổi, người dân xã Mường Lống). Giá trị của nhựa thuộc phiện phụ thuộc vào đối tượng khách hàng “bán cho người thu mua (của nhà nước, đại diện chính quyền) thì thường thấp, nếu giấu được, bán cho người khác (ở tại địa phương hoặc tự đem sang Lào bán) có giá cao hơn. Năm 1988, cháu nội đầu (cháu gọi bằng ông) được sinh ra, bán tại chỗ 1 kg nhựa được 5 bao thóc, mang sang Lào đổi được 6 bao (1 bao thóc = 50 kg = 30 - 35 kg gạo)” (PVS, H.C.D, nam, 68 tuổi, người dân xã Mường Lống). Tương quan giá trị thời điểm năm 1988, 1kg gạo giá 580 đồng, 1 chỉ vàng giá 233.000 đồng (Báo Sài Gòn giải phóng, 1988). Càng về sau, giá nhựa thuộc phiện ngày càng cao do nguồn cung bị cấm sản xuất. Năm 2012, giá 1 kg nhựa anh túc khoảng từ 15.000.000 - 17.000.000 đồng, tương quan giá vàng là 4.600.000/1 chỉ (Báo Sài Gòn giải phóng, 2012). Thời điểm hiện nay, 1 “cây” (1 cây = 37g) thuốc phiện đen mua tại Lào có giá 650.000 đồng tiền Lào (khoảng 800.000 đồng tiền Việt Nam) (tư liệu khảo sát thực địa tháng 5/2025). Mặt khác, trong dư luận cộng đồng, cây anh túc là loại dược liệu thần kỳ với nhiều cách dùng như làm rau ăn để phòng chống bệnh tật, cảm cúm, còn có tác dụng trẻ hóa với phụ nữ, quả và rễ ngâm rượu uống cho tác dụng bồi bổ gân cốt, chống đau nhức, mỏi mệt, gia tăng khả năng đàn ông, v.v. cùng rất nhiều công dụng khác trong điều trị các bệnh nan y như viêm gan, xơ gan cổ trướng, suy tim, ung thư, v.v.

(PVS, L.Y.D., nữ, 53 tuổi, người dân xã Mường Lống). Như vậy, việc phòng, chống, xử lý tái trồng cây anh túc vẫn phải những khó khăn không chỉ đơn thuần vì giá trị kinh tế mà còn chịu nhiều ảnh hưởng từ những yếu tố văn hóa xã hội khác. Dù vậy, cho đến nay, công cuộc xóa bỏ trồng cây anh túc, chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng ở Mường Lống từng bước chuyển biến đáng ghi nhận. Các năm 2023 - 2024, địa bàn xã không ghi nhận có trường hợp tái trồng cây anh túc.

Cây ăn quả, chủ đạo là mận tam hoa, đào úc, mơ, ngoài ra có bưởi, vải, nhãn, hồng xiêm, v.v. được xác định là loại cây trồng thay thế cây anh túc. Diện tích được mở rộng hàng năm theo chiến lược phát triển của địa phương và sự hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ trong việc cấp giống cây và trang bị kiến thức khoa học kỹ thuật đối với từng loại. Cho tới hết năm 2024, diện tích trồng mận, đào toàn xã Mường Lống đạt 112.6 ha. Thời gian đầu, cây mận cho thu hoạch khá khả quan, mận tam hoa có giá 2000 đồng/kg (so với gạo tẻ thường giá 3.400 đồng/kg), có hộ gia đình năm 2003 thu tới 30 triệu đồng tiền bán mận (PVS, L.Y.N, nữ, 44 tuổi, người dân xã Mường Lống). Tuy nhiên, khi diện tích trồng mận ngày càng mở rộng, sản lượng ngày càng tăng trong khi thị trường tiêu thụ chưa kịp mở rộng khiến sản phẩm làm ra mất giá dần. Với định hướng đa dạng hóa nguồn thu từ trồng trọt, các cấp chính quyền địa phương đã xác định đưa diện tích trồng mận nhân rộng thành một vùng sinh cảnh có giá trị khai thác kinh doanh du lịch. Tuy nhiên, phải cho đến những năm gần đây, khi các cơ sở du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng, v.v. hình thành và triển khai ở địa phương, mục tiêu này mới cho những kết quả ban đầu. Về sản lượng, năm 2023 toàn xã ước đạt 60 tấn quả, giá dao động từ 5.000 - 15.000 đồng/kg tùy thời điểm thu hoạch.

Có thể nhận thấy cây anh túc không chỉ có giá trị kinh tế cao mà còn đóng vai trò khá quan trọng trong đời sống văn hóa xã hội người Hmông. Do vậy, việc xóa bỏ cây anh túc khỏi hệ thống cây trồng không đơn giản mà đòi hỏi sự sát sao, kiên nhẫn của các cấp chính quyền cũng như việc không ngừng nâng cao nhận thức và đời sống kinh tế cho người dân.

Khai thác giống mới trong sản xuất nông nghiệp. Từ những năm 1996 - 2000, các giống lúa mới như Khang dân, Bao thai, ngô Bi-ô-xít được đưa vào trồng thay thế cho các giống địa phương. Những năm đầu cho sản lượng thu hoạch khá ổn định. Thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình người Hmông vùng miền Tây Nghệ An đạt trung bình đầu người 160 đô la Mỹ và 250 - 300 kg lương thực/người/năm. (Hoàng Xuân Lương, 2000). Tuy nhiên, sau đó các cây lúa giống mới không phát huy ưu thế chịu hạn, chống sâu bệnh nên mất mùa liên tiếp trong các năm 2001-2002. Hạt ngô Bi-ô-xít cho sản lượng cao nhưng không phù hợp dùng làm lương thực, giá trị thương mại cũng không cao, đồng thời có hiện tượng suy thoái giống,

bấp không ra hạt, sản lượng tụt giảm. Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, tỉ lệ nghèo đói tăng cao. Thực tế cho thấy, sản xuất trồng trọt cây lương thực tỏ ra không hiệu quả do nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân chính như đất đai có độ dốc cao, độ màu mỡ thấp, khí hậu khắc nghiệt, nguồn nước tưới không đảm bảo, thiên tai hạn hán, lũ lụt, mưa bão thường xuyên xảy ra. Hiệu quả từ giống cây trồng mới cho năng suất không ổn định, có hiện tượng suy thoái giống. Năm 2003, xã Mường Lống có 666 hộ dân, trong đó có gần 300 hộ nghèo². Từ sau 2003, người Hmông ở Mường Lống hầu như không tiếp nhận các loại giống mới do lo sợ rủi ro mà tái sử dụng các giống cây lương thực truyền thống. Trong những năm gần đây, khá nhiều hộ nông dân cho rằng canh tác lúa không còn hiệu quả do các nguyên nhân chủ yếu như sản lượng thấp, địa bàn canh tác xa nơi cư trú khiến chi phí sản xuất tăng cao. Khảo sát tháng 5/2025, năng suất lúa năm 2024 của xã Mường Lống đạt khoảng 6 tấn/ha. Chi phí cho canh tác 1 ha lúa cần 60 công phát, đốt nương, làm đất (6 người x 15 ngày); 40 công tria hạt, 120 công làm cỏ, 120 công thu hoạch, 12.000.000 đồng công vận chuyển từ nương rẫy xuống bến sông (100.000 đồng/1 bao thóc 50 kg), thuê thuyền chở từ sông về nhà 6.000.000 đồng, tổng chi là: (340 công x 250.000 đồng) + 18.000.000 công vận chuyển = 103.000.000 đồng. Trong khi đó giá thóc năm 2025 được thương lái thu mua tại địa bàn là 10.000 đồng/kg. Hạch toán lỗ 43.000.000 đồng. Do vậy, nhiều hộ đã bỏ không tiếp tục trồng lúa.

Chuyển đổi trồng cây lương thực sang trồng cỏ phát triển chăn nuôi xuất hiện từ khoảng những năm 2015 và trở thành phong trào vào những năm đầu thập kỷ 2020. Chẳng hạn như ở bản Mường Lống I có 147 hộ thì toàn bộ bỏ trồng lúa, sang trồng cỏ, 7 hộ trồng thêm cả ngô và rau màu. Lúc đầu chủ yếu trồng cỏ voi, những năm gần đây, theo tư vấn của cơ quan chuyên môn, đồng bào tiếp nhận và trồng đa dạng một số giống cỏ khác như Ghine cho năng suất và độ dinh dưỡng cao, cỏ Ruzi là loài thích hợp với vùng rẻo cao, chịu hạn tốt và cỏ Nhật Bản, lá to hơn cỏ voi, sản lượng cao, ít bị ảnh hưởng bởi rét đậm rét hại. Tùy thuộc vào diện tích cỏ mà họ đầu tư số lượng vật nuôi thích hợp. Trung bình 1 con bò cần 250 - 300 m² đất trồng cỏ để đảm bảo nguồn thức ăn và điều kiện chăn thả. Diện tích trồng cỏ tăng dần hàng năm, toàn xã năm 2022 có 483 ha, năm 2024 đã đạt ngoài 500 ha, dự kiến năm 2025 tiếp tục tăng thêm.

3.2. Chăn nuôi và buôn bán gia súc

Người Hmông ở Mường Lống có truyền thống chăn nuôi đại gia súc như ngựa, trâu, bò từ lâu đời. Đời sống du canh du cư, di chuyển chủ yếu ở khu vực đồi núi cao, chưa có đường giao thông nên ngựa, trâu, bò vừa là sức kéo, sức thờ, chuyên chở

² <https://nhandan.vn/co-mot-ky-son-khac-post463927.html>

trong lao động sản xuất, vừa có giá trị là nguồn tài sản để dành của gia đình. Ngoài đại gia súc, người Hmông ở Mường Lống còn nuôi lợn, gà, vịt, ngỗng, trong đó giống lợn đen, gà đen địa phương là loại giống đặc sản, được thị trường ưa chuộng, giá thu mua thường cao gấp 2 - 3 lần vật nuôi giống mới. Tập quán bán vật nuôi, trao đổi vật nuôi lấy nhu yếu phẩm cần thiết cũng đã hình thành từ lâu trong mối quan hệ mạng lưới xã hội của người Hmông ở Nghệ An. Dù vậy, cho đến cuối thế kỷ XX, chăn nuôi vẫn chỉ đóng vai trò là hình thức kinh tế phụ trợ trong sản xuất nông nghiệp.

Hoạt động đầu tư phát triển chăn nuôi nhằm hàng hóa hóa vật nuôi, đưa chăn nuôi trở thành một trong những hoạt động sinh kế hộ gia đình được mạnh mẽ từ khoảng đầu những năm 2000. Việc thực thi các chính sách, chương trình lớn nhằm xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao, Chương trình 135, v.v. bằng các hoạt động thiết thực như đưa con giống chất lượng tới từng hộ gia đình, trước hết ở những hộ đặc biệt khó khăn nhằm tạo đà phát triển kinh tế. Chương trình 135 đã đưa vào Mường Lống một số loại vật nuôi có tiềm năng phát triển ở khu vực núi cao như bò, dê, chẳng hạn như bản Huổi Khun được cấp mỗi hộ 1 con dê, bản Tham Hang, Mường Lống I, Mường Lống II, cơ cấu 15 hộ nghèo thành một cụm, mỗi cụm được 1 con bò cái nuôi luân phiên lần lượt. Khi bò mẹ sinh con, khoảng 3 tháng tách sữa, bê con là tài sản của hộ đó còn con bò cái giống chuyển cho hộ kế tiếp. Sau 2 năm, việc chăn nuôi bò hiệu quả hơn chăn nuôi dê vì dê không hợp nuôi nhốt, đòi hỏi công sức chăm thả trong khi đó nuôi bò chỉ cần làm chuồng và trồng cỏ cho chúng ăn, Từ những năm sau, theo chủ trương của chính quyền địa phương, việc cấp giống vật nuôi cho người dân chỉ ưu tiên cấp bò giống. Cũng trong thời gian này, chương trình cấp vốn vay ưu đãi phát triển chăn nuôi đã tiếp sức cho người dân phát triển sản xuất. Không chỉ vậy, việc trang bị những kiến thức trong chăn nuôi cũng tạo tiền đề cho sinh kế chăn nuôi phát triển. L.C.V, nam, 46 tuổi, bản Mường Lống II là một trong những hộ đầu tiên vay vốn ưu đãi ngân hàng chính sách để nuôi bò. Năm 2003, C. vay ngân hàng chính sách 10.000.000 đồng để mua bò giống về nuôi. Sau 6 tháng, hai con bê lúc đầu bán đi lãi được mỗi con 2 triệu. Cho đến nay, đàn bò của C. duy trì ở mức khoảng 40 con, hàng năm, C. bán ra thị trường từ 10 - 15 con bò thương phẩm.

Khoảng sau năm 2012, Kế hoạch đưa chăn nuôi thành thế mạnh kinh tế của đồng bào DTTS khu vực miền núi phía tây của UBND tỉnh Nghệ An được thực thi, triển khai trên diện rộng nhiều nội dung cụ thể, xác đáng, được quan tâm, hỗ trợ như đầu tư con giống có chọn lọc; biện pháp phối giống gia súc (cung cấp toàn bộ thiết bị, vật tư kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, liệu tinh trùng giống đã sàng lọc), tiêm phòng và công tác phòng dịch gia súc. Đồng thời tiếp tục quy hoạch vùng trồng cỏ

phát triển chăn nuôi, cung cấp các giống cỏ mới cho năng suất cao. Ngày càng có nhiều hộ dân tham gia, gia tăng hoạt động chăn nuôi, xây dựng chăn nuôi thành nguồn sinh kế chính trong sản xuất nông nghiệp. Tổng số đàn gia súc và số đầu gia súc bán ra thị trường tăng hàng năm. Năm 2024, toàn xã có 2.808 con bò, 617 con trâu, 610 con lợn, trong đó 322 con là loại lợn đen đặc sản, 437 con dê, 24 con ngựa; tổng đàn gia cầm khoảng hơn 20.000 con, tổng đàn vượt 12% so với năm 2023.

Tìm hiểu thực tế ở xã Mường Lống tháng 5/2025 cho thấy hoạt động chăn nuôi có những đặc điểm chính như: Chuồng trại gia súc được dựng trên nương trồng cỏ, có rào quây chắn, không cho gia súc vượt ra ngoài nơi chăn thả. Không sử dụng cám hoặc bất cứ chế phẩm nào ngoài nguồn cỏ trồng. Khi thiếu cỏ họ tìm hỗ trợ của các hộ chăn nuôi khác trong mạng lưới thân tộc, chúng tôi chưa ghi nhận hoạt động mua bán cỏ. Có hai cách chăn nuôi gia súc, nuôi nhốt là kỹ thuật nuôi bò vỗ béo, hoạt động này cần lao động trực tiếp trong việc cho ăn và dọn chất thải. Nuôi thả không cần lao động chăm sóc, vật nuôi tự tìm thức ăn trong khu chăn thả gia đình, ban đêm tự vào khu vực chuồng trại có mái che. Nuôi thả là cách nuôi bò sinh sản, dê, lợn. Gia cầm thường được nuôi ở khu vực vườn nhà, khu vực dựng chuồng trại có rào quây chắn. Vật nuôi ở Mường Lống cũng khá đa dạng bao gồm các giống đặc sản truyền thống như lợn đen, gà đen có giá cao hơn 2 - 3 lần so với vật nuôi giống mới. Bò nuôi thả, nuôi sinh sản là giống bò vàng địa phương, có vóc dáng thấp đậm, săn chắc, trọng lượng con đực từ 240 - 280 kg, con cái từ 160 - 200 kg. Giống này rất được ưa chuộng, thương lái phải đặt hàng trước. Bò nuôi vỗ béo là bò đực, độ tuổi khi mua khoảng từ 3 - 8 tháng tuổi, nuôi nhốt vỗ béo từ 3 - 8 tháng (khi con bò khoảng 1 năm tuổi) có thể xuất bán. Nuôi vỗ béo có nhiều giống bò, giống bò Lào màu lông nhạt hơn bò địa phương, cân nặng tối đa khoảng 400 kg; giống bò 3B con đực trưởng thành có thể nặng 1000 kg; tuy nhiên cũng khó mua được con giống thuần chủng mà chủ yếu là bò giống 3B lai với bò lai Sind, trọng lượng tối đa đạt khoảng 500 kg.

Đối với nhiều hộ gia đình ở Mường Lống, lợi nhuận từ chăn nuôi trở thành chủ đạo trong sinh kế nông nghiệp. Thu nhập từ chăn nuôi của hộ ông H.B.D, 38 tuổi, bản Huổi Khun khá đều đặn, mỗi năm từ 120.000.000 - 150.000.000 đồng, gồm cả bán tía đàn bò sinh sản, lợi nhuận từ nuôi vỗ béo và một phần từ 3 con lợn nái giống lợn đen truyền thống. Ông V.T.P., 51 tuổi, bản Mường Lống I cho biết toàn bộ chi tiêu sinh hoạt của gia đình ông năm 2024 từ chăn nuôi, trong đó nuôi vỗ béo hai đợt 16 con bò giống Lào, bán 30 con gà đen cho khách du lịch, tổng thu nhập khoảng 160 triệu đồng. Bà L.Y.D, 53 tuổi, bản Mường Lống I chia sẻ trong năm 2024, do chỉ có một mình bà là lao động chính, các con đi học, chồng công tác xã hội tại địa phương, ít góp sức cho lao động gia đình nên thu nhập chăn nuôi chủ yếu từ 4 con lợn, khoảng 140 kg và 50 con gà, đều là giống địa phương, tổng thu khoảng trên 80 triệu,

chủ yếu là bán cho khách du lịch. Trên thực tế, tùy từng thời điểm mà thu nhập từ chăn nuôi có sự khác biệt. Hầu hết các hộ chăn nuôi cho rằng năm 2024 khi giá trâu bò giảm sâu, thu nhập của họ vì thế cũng giảm. Ông L.V.C, 58 tuổi, bản Mường Lống II cho biết nguồn thu từ chăn nuôi hộ gia đình ông năm 2022 khoảng 250 triệu đồng, năm 2023 giảm còn 200 triệu đồng và năm 2024 giảm xuống còn chưa được 150 triệu đồng. Nguyên nhân đến từ việc hoạt động buôn bán gia súc xuyên biên giới bị cấm do xảy ra dịch, diễn biến dịch phức tạp nên các cơ quan chức năng ngăn chặn nguồn lây nhiễm. Việc phải xuất bán gia súc khi giá rẻ kéo dài thời gian nuôi đồng nghĩa cộng thêm lỗ vì trọng lượng vật nuôi đã đến hạn, tăng trưởng chậm lại hoặc dừng hẳn. Dù vậy, tất cả các ý kiến đều cho rằng hướng phát triển sinh kế chăn nuôi là khả quan bởi giảm thiểu sức lao động, thu nhập vẫn đảm bảo nhu cầu hộ gia đình. Không chỉ vậy, phát triển chăn nuôi còn mở ra cho người dân cơ hội gia tăng hoạt động thương mại, tham gia vào mạng lưới buôn bán gia súc, gia cầm địa phương, tìm kiếm cơ hội tiếp cận các ngành nghề dịch vụ, thương mại liên quan tới kinh tế chăn nuôi.

Hình thức du canh du cư để lại cho cộng đồng người Hmông ở Mường Lống mạng lưới quan hệ rộng khắp hai bên biên giới Việt Lào, cả ở cộng đồng nội tộc người và cộng đồng các tộc người láng giềng. Cùng với sở hữu tri thức sâu sắc về thiên nhiên, môi trường sống nên người Hmông tỏ ra lanh lợi, dễ dàng tiếp cận và thích ứng với mạng lưới buôn bán gia súc, gia cầm ở địa phương. Họ quan niệm, việc mang bán các con vật nuôi của gia đình khi đi chợ như dê, lợn, chó, mèo, gà, v.v. không phải là giao thương mà chỉ là cách họ đi chơi chợ, tiện thể mua bán, đổi chác thực phẩm, nhu yếu phẩm, v.v.. Cách họ mang vật nuôi đi chợ cũng khá đặc biệt, thường được cắp vào nách hoặc ôm trên tay, đôi khi còn đưa hẳn vào trong làn áo khoác. Đối với những con vật lớn hơn họ dùng xích hoặc dây choàng từ cổ qua nách chúng, buộc lại rồi dắt theo. Cũng có khi mang đi rồi lại mang về, lấy cớ để được đi chơi. Thỉnh thoảng trong làng, ngoài xã có người tìm vào mua con gà, con vịt họ cũng không cho đó là giao thương “*đó không phải là buôn bán, đó là tiêu dùng, là đi chơi chợ thôi, có tiền thì tiêu bằng tiền, không có tiền thì tiêu bằng gà, bằng chó, v.v.*” (PVS, H.C.V, nam, 39 tuổi, người dân xã Mường Lống). Bán đại gia súc như trâu, bò, ngựa mới được cho là hoạt động thương mại. Quyền quyết định bán đại gia súc thuộc về ông chủ nhà nhưng “*cần có sự thống nhất cao giữa các thành viên trong gia đình, kể cả những người con lớn của họ*”. Trước khi mang đại gia súc đi bán, người Hmông sẽ thông báo một vài người anh em, láng giềng, đây là cách họ tìm kiếm thêm thông tin, tham khảo ý kiến những người thân cận, được tin tưởng về món hàng mà mình định đem ra giao dịch. Khi mang đại gia súc đi bán, họ cũng nhờ thêm đôi ba người anh em đi cùng nhằm bảo vệ, chống lừa bịp, ép giá từng

những thương nhân bên ngoài. Trong quan hệ mua bán, người Hmông đề cao chữ tín, nếu thương lái không cho họ cảm giác an tâm, tin tưởng, hoặc họ cảm nhận thấy thương lái là người xấu, họ sẽ ngừng không giao dịch kể cả khi được trả giá cao hơn (PVS, N.V.T, nam, 37 tuổi, cán bộ UBND xã Mường Lống). Hoạt động chăn nuôi dần trở nên sôi động khi lượng gia súc cung cấp ra thị trường ngày càng nhiều hơn, dần hình thành nên chợ trâu bò “Cổng trời Mường Lống” họp một tháng 2 phiên vào các ngày 15 và 30 âm lịch. Phiên chợ tổ chức trên nền bãi đất là sân đá bóng của thanh thiếu niên, khi đông tràn cả vào những khu lân cận và hai bên đường lộ. Thương lái bên ngoài đổ về nhiều tạo thành hệ thống các mối liên hệ chằng chéo, phức tạp trong hoạt động giao thương. “*Hộ nhà tôi là một trong những hộ nuôi nhiều bò nhất xã, giai đoạn 2017 - 2018 có lúc trong nương nhà tôi có tới hơn 80 con, cả bò sinh sản và bò nuôi vỗ béo. Có khoảng 3 thương lái đặt vấn đề liên kết với tôi trong hoạt động cung cấp con giống và tiêu thụ thương phẩm đầu ra. Tôi đánh giá mỗi người có một ưu điểm mà tôi thích, Ông H. ở Mường Xén thường chủ động nguồn tiền nhưng trả giá không sát, ông C. ở Huổi Tụ là chỗ họ hàng, Ông T. ở Quế Phong thì rất mát tay khi chọn con giống. Cũng cân nhắc nhưng cuối cùng tôi lựa chọn người thân. Nhưng cũng vẫn giữ các mối quan hệ kia dù không hoặc ít có giao dịch*” (PVS, L.C.V, nam, 46 tuổi, người dân xã Mường Lống). Sự phát triển của hệ thống mạng lưới kinh doanh còn đưa lại cho người dân chăn nuôi những cơ hội nâng cấp sản xuất: “*Tháng 11/2022, tôi được ông thương lái T. giới thiệu nuôi bò giống mới là bò lai giữa giống 3B và lai Sind, tôi cũng chưa quyết định nhưng ông ấy cho thiếu một nửa tiền giống nên tôi đồng ý lấy 4 con về nuôi, tới tháng 6/2023, sau khi vỗ béo bán được 84 triệu, trừ tiền giống còn lãi hơn 40 triệu. Mà năm 2023 giá bò xuống thấp kỷ lục, lợi nhuận như vậy là ổn. Sau đó, tôi có đặt ông T. tiếp tục cung cấp giống bò đó nhưng cho đến nay vẫn chưa thấy*” (PVS, H. A. D, 43 tuổi, người dân xã Mường Lống). Người dân cũng cho biết họ kiếm được những khoản tiền “cơ hội” từ mạng lưới buôn bán gia súc “*một lần do xe ông L. chưa đủ số lượng bò thịt chạy về nên tôi được hẹn trả cho 100.000 đồng cho mỗi đầu bò thịt mà tôi giúp ông ta mua được. Từ sau đó lúc nào cần ông ấy đều gọi điện cho tôi nhờ giúp nhưng thù lao chỉ khoảng 50.000 đồng/gia súc, đôi khi cũng chỉ đủ bù tiền xăng chạy lên rẫy lừa bò về nhưng cũng vui, lúc này còn lúc khác*” (PVS, V.T.P, 51 tuổi, người dân xã Mường Lống). Hệ thống và mạng lưới giao thương buôn bán phát triển cũng giúp người dân tiết kiệm chi phí sản xuất “*trước đây đi mua bò giống về nuôi vỗ béo phải sang Lào mua bò tơ về nuôi. Chi phí đi đường và những rủi ro khi di chuyển gia súc có khi đội lên rất cao. Nay đã có chợ và thương lái mang giống về cung cấp, mình chỉ việc chọn hàng*” (PVS, L.C.V, nam, 46 tuổi, người dân xã Mường Lống).

4. Một số sinh kế mới

4.1. Đi làm ăn xa

Di cư không phải là điều xa lạ đối với người Hmông ở miền tây tỉnh Nghệ An, đời sống xã hội đồng bào tạm thời ổn định định canh, định cư chỉ từ khoảng giữa những năm 2000. Tuy nhiên, trong bối cảnh sự vận động của cảnh kinh tế xã hội chịu tác động sâu sắc của xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và toàn cầu hóa luôn đặt ra cho mỗi cộng đồng, tộc người những thách thức cần phải vượt qua. Khoảng 10 năm trở lại đây, có sự gia tăng số lượng người Hmông ở Mường Lống thoát ly địa phương, đi tìm kiếm việc làm ở các khu vực thành thị, công nghiệp trên khắp cả nước. Số lượng người đi nhiều đến nỗi “*họ đi làm ăn nhiều, gần như là cả bản, giờ vào bản toàn người già với trẻ con. Chi bộ Đảng của xã có 35 người, đi làm ăn xa hết gần một nửa (45%) nên nhiều khi triển khai công việc cũng khó, không có người làm. Trưởng bản cũng đi làm ăn xa, động viên mãi mới về công tác*” (TLN, cán bộ UBND xã Mường Lống).

Bảng 1: Số người đi làm ăn xa của xã Mường Lống, tỉnh Nghệ An

(Tính đến hết tháng 5/2025)

STT	Tên bản	Tổng dân số	Người đi làm ăn xa	Tỉ lệ %
1	Trung tâm	490	83	16,94
2	Mường Lống I	800	198	24,75
3	Mường Lống II	1227	116	9,45
4	Tham Lực	104	29	27,88
5	Tham Hốc	212	40	18,86
6	Tham Hang	348	106	30,45
7	Long Kèo	338	101	29,88
8	Sà Lây	449	162	36,08
9	Mò Nùng	191	52	27,22
10	Tham Pạng	182	53	29,12
11	Xám Xún	574	179	31,18
12	Thà Lạng	200	48	24,00
13	Huổi Khun	137	27	19,70
	Tổng cộng	5.252	1.194	22,73

Nguồn: Số liệu thu thập tại thực địa, tháng 5/2025.

Bảng thống kê trên cho thấy tỉ lệ người rời quê hương đi làm ăn xa ở xã Mường Lống khá cao, chiếm tỉ lệ 22,73% tổng dân số xã, ở từng cụm bản, tỉ lệ có sự chênh lệch khác nhau, bản có số người đi ít nhất chiếm gần 10% tổng dân số của bản,

bản nhiều nhất có tỉ lệ người đi làm ăn xa là trên 36%. Vậy ai là người đi làm ăn xa và vì sao họ lại chọn đi làm ăn xa?

Phân tích biểu ghi chi tiết cơ cấu số người đi làm ăn xa bản Mường Lống I cho thấy, trong tổng số 198 (100%) người đi làm ăn xa, có 125 (63,13%) trường hợp có độ tuổi sinh sau năm 2005, 3 trường hợp là người trên 55 tuổi, số còn lại hầu hết thuộc độ tuổi sinh trong thập niên 1990. Điểm đến chủ yếu ở các địa phương như Bắc Ninh, Quảng Ninh, Bình Dương, Bình Phước và Đắk Nông. Biểu thống kê cho thấy đi làm ăn xa là những người trong độ tuổi lao động trẻ. Hầu hết là con hoặc cháu của những người chủ hộ, không có quyền sở hữu về đất đai và cũng chưa có vốn tích lũy. *“Cháu học xong cũng không có việc làm, việc nhà cũng ít vì bây giờ không làm nương rẫy, không trồng ngô lúa nên không có việc, cũng không có tiền. Đi làm xa đỡ cho gia đình, tự kiếm được một ít tiền làm vốn, sau đó về nhà nghỉ việc để làm cũng dễ dàng hơn”* (PVS, V.X.T, 16 tuổi, người dân bản Mường Lống I, chuẩn bị theo chị gái đi làm ăn xa). Trong số những người đi làm ăn xa, tỉ lệ người trẻ chưa lập gia đình chiếm đa số. Những người đã kết hôn lựa chọn đi làm ăn xa thường đi thành từng cặp vợ chồng, họ gửi con cái lại cho cha mẹ trông nom giúp. So với những người còn độc thân, những người đã có gia đình đi làm ăn xa xác định mục đích rõ ràng, các yếu tố quan trọng như điểm đến, công việc, điều kiện cư trú, v.v. cũng được chuẩn bị kỹ lưỡng hơn. *“Trẻ nó đi tìm việc chỉ cần xin bố mẹ ít tiền giắt túi là đi được, còn chúng em phải xác định rõ là đi tìm lối thoát cho kinh tế hộ gia đình nên phải cẩn thận hơn. Chúng em đã nhờ anh chị họ xin việc trước rồi mới chuẩn bị đi, phòng trọ cũng nhờ thuê ở gần họ luôn. Hiện em gửi con cho ông bà nội trông giúp, nếu điều kiện thuận lợi, kinh tế phát triển tốt, một vài năm nữa khi con đến tuổi đi học em sẽ đưa cháu đi theo”* (PVS, V.V.C, nam, 26 tuổi, người dân bản Mường Lống I, đang lao động tại tỉnh Bắc Ninh) Tuy nhiên, biểu thống kê trên có tính thời điểm, chưa phản ánh đầy đủ tình trạng đi làm ăn xa của người Hmông ở Mường Lống.

Sổ ghi chép của trường bản Mường Lống I đã tập hợp thống kê được từ giữa năm 2021 cho đến tháng 7/2024 có 235 lượt người đăng ký đi làm ăn xa. Phân tích biểu thống kê cho thấy tỉ lệ nam và nữ khá cân đối, độ tuổi từ sinh từ năm 1976 - 2018, trong đó số tuổi cuối năm 1970 đầu năm 1990 chiếm phần lớn danh sách. Ở nhiều đoạn, ghi chép trong danh sách giống như phiếu ghi riêng cho mỗi hộ gia đình với kết cấu hợp lý về tên họ, độ tuổi phù hợp với gia đình 2 - 3 thế hệ và cùng một điểm đến. PVS cho biết những đối tượng này ở độ tuổi trung niên, trình độ kỹ năng lao động và sức khỏe không đáp ứng được những yêu cầu của các khu chế xuất, khu công nghiệp, v.v. do vậy thường tìm kiếm việc làm ở các tỉnh từ Lâm Đồng xuống Bình Phước, họ đi thành từng hộ gia đình, nhóm hộ gia đình có quan hệ thân tộc tìm việc ở các trang trại trồng hoa, rau màu, đàn ông tìm việc hỗ trợ trồng cà phê, sầu riêng, v.v.. Ở khía cạnh khác, bản Mường Lống I cho tới nay có 11 em có trình độ

đại học và tương đương, tuy nhiên do không tìm được việc làm thích hợp nên họ phải tìm việc làm ngoài địa phương (PVS, Q.T.H, nữ, 47 tuổi, Bí thư chi bộ bản Mường Lống I).

Như vậy có thể nhận thấy việc người Hmông ở Mường Lống lựa chọn đi làm ăn xa trong giai đoạn hiện nay là một cách ứng phó với tình trạng thu nhập thấp và thiếu việc làm tại chỗ. Tuy hiệu quả từ đi làm ăn xa có thể bù đắp những thiếu hụt trước mắt nhưng sinh kế này không bền vững do phụ thuộc quá nhiều vào môi trường bên ngoài. Đồng thời trong chừng mực nào đó, nó góp phần làm suy thoái tính cố kết, thống nhất tương đối văn hóa cộng đồng tộc người. Đa dạng hóa sinh kế, xây dựng thêm cơ hội việc làm tại chỗ là những biện pháp cần phải được nghiên cứu, thực thi.

4.2. Phát triển du lịch cộng đồng

Kinh nghiệm kinh doanh DLCĐ ở một số địa phương phía bắc như Lào Cai, Hòa Bình cho thấy đây là sinh kế có khả năng đảm bảo hài hòa các yếu tố như tạo ra cơ hội việc làm, thu hút người dân tham gia vào mạng lưới quản lý, kinh doanh du lịch, góp phần bảo vệ môi trường bền vững (Phạm Văn Lợi, 2021). Địa bàn xã Mường Lống có nhiều ưu điểm có thể đưa vào khai thác kinh doanh du lịch như thời tiết khí hậu quanh năm mát mẻ, được ví là “Sapa của miền trung”, nhiều điểm cảnh quan thu hút như hang Dơi, thác Rồng, cổng trời Mường Lống, vườn đào, mận lên tới hơn 100 ha, vào mùa hoa nở tạo nên cảnh quan tráng lệ, diễm tình, có văn hóa tộc người Hmông với các đặc sản đặc sắc như gà đen, lợn đen, cơm xôi gạo nếp gà con, cùng với nghệ thuật chế biến đặc sắc như lam, nướng, v.v. văn nghệ dân gian với các nhạc cụ độc đáo như khèn, sáo, đàn môi, hát giao duyên và nhảy múa theo khèn, một số vật phẩm thủ công mỹ nghệ từ thêu, đan lát, rèn, v.v. có tiềm năng biến thành những vật phẩm văn hóa, thu hút du khách. Chính vì vậy, bản Mường Lống I trở thành một trong hai điểm bản được định hướng phát triển đầu tư xây dựng mô hình kinh tế kinh doanh DLCĐ. Khung nhân sự bước đầu xác định gồm 03 cán bộ trong ban quản lý du lịch cộng đồng cấp xã, thu hút 03 hộ dân kinh doanh homestay, thành lập 01 đội văn nghệ gồm 18 người, 01 câu lạc bộ thêu Patau. Mức đầu tư về vật chất bao gồm mỗi hộ kinh doanh homestay được hỗ trợ làm biển chỉ dẫn và nhận 100 triệu đồng/hộ, mục đích hỗ trợ các chủ hộ mua sắm một số trang thiết bị cần thiết, sửa sang khu vệ sinh phụ, phục vụ kinh doanh lưu trú. Đội văn nghệ bản Mường Lống I nhận 30 triệu đồng kinh phí đầu tư về trang phục, đạo cụ biểu diễn. Câu lạc bộ thêu Patau nhận 30 triệu đồng hỗ trợ mua vải, sợi chỉ màu, v.v.. Các chủ hộ kinh doanh homestay cũng được đào tạo các khóa học ngắn ngày về kỹ năng vệ sinh và thu dọn buồng phòng, không gian cảnh quan; kỹ năng về tổ chức bữa ăn và an toàn thực phẩm; sau đó được đi tham quan, học tập mô hình kinh doanh ở bản Lát, tỉnh Hòa Bình, thời gian 3 ngày. DLCĐ chính thức đưa vào hoạt động khoảng nửa cuối năm 2021.

Sau 3 năm triển khai, DLCĐ ở Mường Lống đã có biến đổi sâu sắc cả về chất và lượng. Tăng thêm 3 cơ sở kinh doanh lưu trú gồm 01 khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng khép kín Eco Garden, chủ đầu tư là người Việt, cư trú xã Thành Vinh. 02 hộ trong đó 01 hộ có chủ đầu tư là người Hmông bản địa, cơ sở còn lại của cặp vợ chồng Thái, là cán bộ luân chuyển về làm việc tại UBND xã, sau đó họ mua đất và tham gia kinh doanh, có tên Mường Lống village. Việc có thêm các cơ sở tham gia kinh doanh DLCĐ tạo ra cục diện phân cấp giữa các cơ sở cung cấp dịch vụ. Eco Garden xếp hạng cao cấp, phục vụ du khách khép kín trong khuôn viên với chi phí lưu trú 1.300.000 đồng/căn bungalow, 600.000 đ/phòng thường/2 người. Trung cấp là hai hộ kinh doanh homestay ở bản Mường Lống II, căn bungalow giá 1.000.000/ngày, phòng ngủ tập thể chia thành từng căn, che bình phong bằng vải dày, có giá 250.000 đồng/ngày, cuối cùng ba homestay bản Mường Lống I giá bình dân, 120.000 đồng/người/ngày tại phòng nghỉ tập thể, sức chứa 5 - 8 người. Số người dân được thu hút tham gia vào mạng lưới kinh doanh, phục vụ du khách cũng tăng về số lượng, chuyên biệt về nghiệp vụ. Có thể kể đến 1 nam giới, có trình độ đại học, đang đi làm tại Đà Nẵng được thu hút trở về làm kế toán chính cho khu du lịch Eco Garden. Hai cơ sở ở bản Mường Lống II cũng bố trí lao động thường trực đón tiếp khách và phục vụ bếp ăn. Do hạn chế lao động thường trực nên tất cả các cơ sở kinh doanh đều có nhu cầu sử dụng lao động thời vụ. Quá trình hoạt động của DLCĐ cũng giúp người dân địa phương có nhận thức về hoạt động phục vụ DLCĐ, số người tham gia trợ giúp các cơ sở homestay khi cần cũng gia tăng số lượng và hoàn thiện dần về kỹ năng. Hoạt động tích cực nhất là đội văn nghệ truyền thống, trung bình một tuần họ có 3 - 4 suất diễn. Dịp 30/4/2025, khách tới Mường Lống đông, đội văn nghệ biểu diễn tới 6 suất/ngày, mỗi suất có thời lượng khoảng 60 phút. Đội văn nghệ truyền thống bản Mường Lống I hoạt động sôi nổi nhất, vào dịp đông khách họ biểu diễn xoay vòng tới 6 suất, mỗi suất diễn khoảng 60 phút. Thu nhập bình quân khoảng 200.000 đồng/người/suất diễn.

Du khách tới Mường Lống cũng ngày một nhiều thêm. Năm 2024, tổng số lượt khách du lịch về Mường Lống 2.060 lượt người, trong đó có 40 người nước ngoài; số lưu trú và sử dụng dịch vụ có 2.060 lượt người, tăng 1.050 lượt người so với cùng kỳ năm 2023; có khoảng 100 người trở lại lần thứ 2, 3 (UBND xã Mường Lống, 2024). Nửa đầu năm 2025, số lượng du khách tăng so với cùng kỳ năm 2024 với 21 lượt khách quốc tế, 623 lượt khách nội địa, trong đó có 112 lượt khách đăng ký lưu trú qua đêm.

Mặc dù mới được triển khai ở Mường Lống chưa lâu nhưng DLCĐ cho thấy tiềm năng to lớn của hình thức sinh kế này khi từng bước tạo ra cơ hội việc làm cho nhiều đối tượng khác nhau. Hy vọng trong thời gian tới, DLCĐ tiếp tục hoàn thiện các dịch vụ đã có đồng thời mở ra các hạng mục mới, khai thác các yếu tố văn hóa tộc người phục vụ kinh doanh du lịch, mang lại nhiều hơn nữa cơ hội thu hút người dân vào mạng lưới DLCĐ, góp phần nâng cao chất lượng, đảm bảo tính bền vững.

5. Kết luận

Trong khoảng 30 năm trở lại đây, đời sống kinh tế của người Hmông vùng miền Tây Nghệ An nói chung và xã Mường Lống nói riêng đã có bước ngoặt, bước nhảy vọt lịch sử từ du canh du cư sang định canh định cư. Đây không chỉ là những thay đổi cơ học về phương thức lao động sản xuất mà còn là sự thay đổi về điều kiện sống, thay đổi về tư tưởng văn hóa tộc người, ý thức quốc gia dân tộc. Định canh định cư làm thay đổi nhận thức về sở hữu đất đai, nhất là khi đất đai trở thành một loại hàng hóa, tài sản giá trị cao, có thể mua bán, trao đổi.

Trong sản xuất nông nghiệp, người Hmông tỏ ra khá nhạy bén tranh thủ ưu đãi của các chính sách phát triển kinh tế xã hội khu vực biên giới, vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số của Nhà nước, kết hợp với vận dụng các nguồn lực sẵn có để biến đổi sinh kế nhằm nâng cao hiệu suất lao động. Đất đai trồng cây lương thực được chuyển đổi sang trồng cỏ phát triển chăn nuôi. Việc kết hợp phát triển cả hai hình thức nuôi sinh sản và nuôi vỗ béo vừa tận dụng được sức sản xuất của đất đai trồng cỏ, vừa đáp ứng nhu cầu của kinh tế thị trường. Hiệu suất chăn nuôi góp phần thúc đẩy họ phát triển mạng lưới giao thương, buôn bán gia súc, gia cầm.

Thu nhập thấp và thiếu việc làm tại chỗ khiến người Hmông ngày càng nhiều người tìm kiếm việc làm ngoài địa phương. Những người trẻ có hứng thú đặc biệt với phong cách lao động hiện đại với giờ làm và ngày nghỉ. So với du canh du cư, phương thức tích lũy kinh tế cũng có những thay đổi, số tiền của người đi làm ăn xa được tương trợ trở lại quê hương, xây dựng gắn bó với thửa đất mà họ chính thức được công nhận quyền sở hữu từ nhà nước. Dù vậy, với điều kiện lao động, cơ hội việc làm ở quê hương không đáp ứng được nhu cầu người lao động thì con đường đi làm ăn xa vẫn sẽ dài thêm.

DLCĐ tạo nên một cú hích mới đối với người Hmông về ý thức xây dựng môi trường sống; về bảo tồn vật nuôi đặc sản như gà đen, lợn đen; về duy trì và phát triển văn hóa tộc người, biến sản phẩm văn hóa tộc người thành tiền. Những người trẻ, đang đi làm ăn xa cũng bị thu hút bởi sự hấp dẫn trong kinh doanh DLCĐ. DLCĐ cũng tạo ra cơ hội việc làm tại chỗ, hấp dẫn người đi làm ăn xa trở lại lao động trên quê hương.

Có thể nhận thấy hoạt động mưu sinh của người Hmông ở xã Mường Lống khá đa dạng. Dưới tác động của chính sách Nhà nước, các cách thức vận dụng, biến đổi sinh kế truyền thống cũng như tiếp nhận các hình thức sinh kế mới phản ánh cách ứng phó rất riêng của tộc người trước những biến động từ nội tại tộc người cho tới biến động về môi trường sống, kinh tế xã hội địa phương. Cũng cần phải nói thêm đây mới chỉ là những tiếp cận ban đầu về biến đổi sinh kế của người Hmông ở Mường Lống. Một số những thông tin về hoạt động kinh tế không chính thức của người dân như dẫn dắt, đưa mối trong buôn bán nông sản, lâm thổ sản, hoạt động vận chuyển thuê và dòng chảy của hàng hóa trong nội địa và xuyên biên giới, v.v.. Hy vọng điều này sẽ được bổ khuyết ở những nghiên cứu tiếp sau.

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Văn Đạo (chủ biên). 2020. *Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong phát triển bền vững các dân tộc tại chỗ khu vực Tây Duyên hải miền Trung*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Bùi Xuân Đỉnh, Nguyễn Ngọc Thanh. 2013. *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế xã hội ở các vùng biên giới Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Đậu Tuấn Nam. 2009. “Đặc điểm di dân tự do của người Hmông ở miền Tây Thanh Hóa, Nghệ An”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 3, tr. 15 - 23.
4. Hoàng Xuân Lương. 2000. *Văn hóa người Mông ở Nghệ An*. Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
5. Lê Thị Hiếu, Bùi Minh Hào. 2024. “Kinh tế hàng hóa từ tri thức bản địa của người Mông ở Nghệ An”, (<https://ngheandost.gov.vn/khxhvnvna/dien-dan-khxh-nv/kinh-te-hang-hoa-tu-tri-thuc-ban-dia-cua-nguoi-mong-o-nghe-an-214.html>), ngày đăng 11/12/2024, ngày truy cập 02/10/2025.
6. Nguyễn Công Thảo (chủ biên). 2024. *Quá trình thương mại hóa lâm sản ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
7. Nguyễn Công Thảo. 2025. “Một số thách thức cho phát triển du lịch cộng đồng vùng dân tộc thiểu số tỉnh Nghệ An”. *Tạp chí Dân tộc học và Tôn giáo học*, số 3, tr. 94 - 106.
8. Nguyễn Ngọc Thanh, Ngọc Thi. 1996. “Sự hình thành ý thức sản xuất kinh doanh hàng hóa của người H’mông ở Kỳ Sơn, Nghệ An”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 2, tr. 61 - 70.
9. Nguyễn Thị Thanh Thanh. 2025. “Sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Nghệ An”, *Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia*.
10. Nguyễn Văn Toàn. 2014. *Định canh định cư và biến đổi kinh tế xã hội của người Khơ Mú và người H’mông*. Nxb. Thế giới, Hà Nội.
11. Phạm Văn Lợi. 2021. “Thực trạng du lịch cộng đồng và nhân lực để phát triển du lịch cộng đồng ở Việt Nam hiện nay”. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, số 1, tr. 136 - 141.
12. Trần Hồng Hạnh (chủ biên). 2017. *Biến đổi khí hậu và sinh kế của một số dân tộc thiểu số ở vùng miền núi Tây Bắc Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
13. UBND tỉnh Nghệ An. 2023. *Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An năm 2022*.
14. UBND xã Mường Lống. 2024. *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025*.
15. Vũ Trường Giang (chủ biên). 2018. *Di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc Việt Nam*. Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.